TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THỦY** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2018
"V/v: Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY- TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Quang Huy
2. Bà Lê Thị Trà Giang

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2018 về việc "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bạch Thị T, địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Đại T, địa chỉ: thôn A, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C, đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Đại N, giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 22/02/2018, bản tự khai ngày 20/3/2018 và các biên bản hòa giải cũng như tại phiên toà, nguyên đơn bà Bạch Thị T đều trình bày: Bà và ông Lê Đại T trước đây yêu nhau và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 01/10/1982. Sau đó làm nhà ở riêng trên đất vườn của bố mẹ ông T. Từ khi kết hôn đến nay không hề có hạnh phúc, bởi lúc còn trẻ, ông T không có lập trường nghe theo lời người khác gây sự đánh đập bà, khi đến tuổi trung niên cho đến nay thì ông T thường xuyên đánh bạc, sinh ra túng thiếu rồi đánh đập vợ con, nhiều lần bà đã chịu đựng bỏ qua vì con cái còn nhỏ dại và kỳ vọng ông T sẽ thay đổi nhưng càng về sau ông T càng đối xử với bà tệ bạc hơn, đánh đập bà nhiều lần rất tàn nhẫn và đốt hết áo quần của bà, đuổi bà và các con ra khỏi nhà, đã được chính quyền địa phương can thiệp nhưng ông T không biết coi trọng người khác. Bà và các con đã thuê nhà ở riêng kể từ tháng 12/2017 cho đến nay, không ai còn

quan tâm gì đến ai nữa. Hiện nay bà xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn ông T.

Ông Lê Đại T trình bày qua bản khai ngày 20/3/2018 và các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa: Về quá trình yêu nhau và kết hôn như bà T trình bày ông hoàn toàn nhất trí, việc kết hôn tự nguyện nhưng khi kết hôn ông chưa đủ tuổi kết hôn mà cơ quan có thẩm quyền ghi ông đã đủ tuổi để kết hôn là không đúng. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân là do hoàn cảnh gia đình khó khăn, túng thiếu và sau đó con cái học hành tốn kém dẫn đến vợ, chồng lúc nào cũng mâu thuẫn. Ông quyết định đi làm ăn xa kiếm tiền nuôi các con nhưng bà T ở nhà tự quyền mọi việc không có ý thức xây dựng gia đình, ông đã góp ý nhiều lần nhưng không có kết quả. Bà T đã sống ly thân và yêu cầu được ly hôn, ông cũng đã nhiều lần vận động vợ chồng nên trở lại đoàn tụ nhưng bà T kiên quyết ly hôn, ông cũng không có cách nào khác nên nhất trí ly hôn.

Con chung: Bà T, ông T có 06 con chung, các con đều đã trưởng thành ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung:

*Bà T, ông T đã thỏa thuận nhà và đất ở không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về đất sản xuất nông nghiệp: Ông, bà đã thỏa thuận phân chia, chỉ yêu cầu Tòa án công nhận như sau: Giao cho bà T được sử dụng 0,66 sào thuộc vùng ruộng nếp và 3,30 sào thuộc vùng Cồn Trửa Nhất; giao cho ông T được sử dụng 1,40 sào thuộc vùng Trôn Ruộng Cồn và 2,80 sào thuộc vùng Cồn Trửa Tam.

* Về nợ: Bà T yêu cầu giải quyết nợ chung của vợ chồng gồm:

- Nợ 44.000.000đồng vay của Ngân hàng C- Phòng giao dịch huyện L theo diện sinh viên tại sổ vay vốn ngày 21/11/2013

- Nợ 50.000.000 đồng vay theo diện hỗ trợ việc làm của Ngân hàng C, Phòng giao dịch huyện L theo sổ vay vốn ngày 25/02/2016.

Ông T có ý kiến về nợ: Ông thừa nhận khoản nợ 44.000.000đồng vay theo diện sinh viên, còn 50.000.000 đồng bà T tự vay ông không biết. Nếu vợ chồng đang còn ở với nhau thì ông cùng bà T có trách nhiệm trả các khoản nợ trên nhưng nay do bà T xin ly hôn cho bằng được thì ông không có trách nhiệm mà bà T phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ.

Ý kiến bà T: Vào những năm trước, gia đình bà thuộc diện hộ nghèo có con đang học đại học nên được vay theo diện sinh viên để trang trải cho con ăn học, việc vay thể hiện qua nhiều đợt tổng cộng 44.000.000 đồng; khoản vay 50.000.000đồng theo diện hỗ trợ việc làm. Sau khi vay về đã phục vụ công việc của gia đình, ông T cũng biết nhưng nay ông không thừa nhận là không đúng, bà yêu cầu chia đôi hai khoản nợ trên mỗi người có trách nhiệm trả một nửa. Bà chấp nhân trả khoản nợ 50.000.000 đồng còn khoản 44.000.000 đồng giao cho ông T chịu trách nhiệm trả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính C, đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Đại N, giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện L vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua tờ trình ngày 11/4/2018, ông N đã trình bày: Gia đình bà T, ông T còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện L 02 chương trình với dư nợ 94.000.000đồng, cụ thể:

Ngày 21/11/2013 vay vốn chương trình học sinh, sinh viên số tiền 44.000.000đồng hạn trả 16/7/2022, lãi tính đến ngày 11/4/2018 còn nợ lãi 221.000 đồng.

Ngày 25/02/2016 vay vốn chương trình cho vay hộ nghèo số tiền 50.000.000đồng, hạn trả 16/02/2019, lãi tính đến ngày 11/4/2018 236.000đồng. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết giao trách nhiệm cho vợ hoặc chồng trong vụ án ly hôn phải trả ngay sau khi ly hôn hoặc trả vào thời hạn cuối cùng trên khế ước.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy việc kết hôn của bà T, ông T tại UBND xã T mà hai bên đều khai tự nguyện là phù hợp, tuy nhiên theo giấy đăng ký kết hôn ngày 01/10/1982 đã ghi ông T 20 tuổi, bà T 18 tuổi nhưng thực chất tại thời điểm kết hôn ông T mới 18 tuổi, bà T 20 tuổi (theo giấy CMND của bà T và ông T). Theo quy định tại Điều 6 của Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 thì nam phải đủ 20 tuổi, nữ phải đủ 18 tuổi mới được đăng ký kết hôn, như vậy ông T chưa đủ 20 tuổi mà cơ quan có thẩm quyền vẫn làm thủ tục đăng ký kết hôn là có vi phạm về điều kiện kết hôn. Tuy nhiên tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/10/2016 quy định:

1.....

2. Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình thi Tòa án xử lý như sau:

a)...

b)...

c) Trường hợp hai bên cùng yêu cầu Tòa án cho ly hôn hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án giải quyết cho ly hôn. Trường hợp này, quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con từ thời điểm kết hôn đến thời điểm ly hôn được giải quyết theo quy định về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ, con khi ly hôn; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến trước thời điểm đủ điều kiện kết hôn được giải quyết theo quy định tại Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình; quan hệ tài sản và nghĩa vụ về hợp đồng giữa các bên từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn đến thời điểm ly hôn được giải quyết theo quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Hiện nay, bà Bạch Thị T xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn ông T, ông Lê Đại T cũng xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên nhất trí ly hôn.

Xét thấy, tình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho bà T và ông T được ly hôn nhau là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và Thông tư số 01/2016 nêu trên.

[2].Về con chung: Bà T, ông T đều trình bày vợ chồng có 6 con chung đều đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Cần ghi nhận sự thỏa thuận phân chia đất sản xuất nông nghiệp của bà T, ông T là phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nợ: Bà T, ông T có vay của Ngân hàng C- Phòng giao dịch huyện L số tiền 94.000.000.000 đồng, gồm 02 khoản: Một khoản vay theo diện sinh viên 44.000.000đồng và một khoản vay theo diện hộ nghèo giải quyết việc làm 50.000.000 đồng. Ông T cho rằng khoản vay 50.000.000 đồng do bà T tự vay làm gì ông không biết, khoản vay sinh viên 44.000.000 đồng ông thừa nhận nhưng do bà T yêu cầu ly hôn thì ông không có trách nhiệm. Bà T trình bày sau khi vay 50.000.000 đồng thì bà đã trả khoản vay 13.000.000 đồng mà ông T vay của Ngân hàng C để chăn nuôi gà, vịt vào năm 2008, còn lại 37.000.000 đồng, bà đã làm nhà bếp, công trình phụ và chuồng lợn nhưng khi HĐXX hỏi ông T các hạng mục nhà bếp, công trình phụ và chuồng lợn được làm từ nguồn tiền nào thì ông T trả lời không biết. Qua lời khai của bà T và Đại diện Ngân hàng C cũng như căn cứ khế ước vay tiền, có căn cứ Ngân hàng C, Phòng giao dịch huyện L thực hiện chương trình cho vay theo diện hộ nghèo và cho vay theo diện hỗ trợ học sinh, sinh viên chứ không phải cho cá nhân vay. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của T và Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện L để xử buộc Bà T và ông T phải có nghĩa vụ thanh toán mỗi người một nửa đối với hai khoản vay trên là phù hợp với các Điều 59, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự và điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016.

[3].Về án phí: Bà T, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho bà Bạch Thị T và ông Lê Đại T được ly hôn nhau.

2. Về tài sản chung:

- Về đất sản xuất nông nghiệp: Ghi nhận sự thỏa thuận tự phân chia của bà T ông T như sau: Giao cho bà T được sử dụng 0,66 sào ruộng thuộc vùng Ruộng Nếp và 3,30 sào ruộng thuộc vùng Cồn Trửa Nhất; giao cho ông T được sử dụng 1,40 sào ruộng thuộc vùng Trôn Ruộng Cồn và 2,80 sào ruộng thuộc vùng Cồn Trửa Tam.

- Về nợ: Áp dụng các Điều 59, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự, xử: Buộc bà Bạch Thị T phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ 50.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 11/4/2018 là 236.000 đồng, theo khế vay ngày 25/02/2016 cho Ngân hàng C- Phòng giao dịch huyện L khi đến hạn; buộc ông Lê Đại T phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ vay theo chương trình hỗ trợ sinh viên 44.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 11/4/2018 là 221.000 đồng, theo khế vay ngày 21/11/2013 cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện L.

Kế tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (30/5/2018) bên phải thi hành án tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chưa tính lãi cho đến khi thanh toán xong tiền gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong khế ước vay.

3. Án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27, danh mục án phí, lệ phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Bà Bạch Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 2.511.800đồng án phí có giá ngạch. Tổng cộng: 2.811.800 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 1.475.000đồng bà T đã nộp theo biên lai số: 0001701 ngày 23/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thuỷ. Bà T còn phải nộp thêm 1.036.800 đồng. Ông Lê Đại T phải chịu án phí có giá ngạch 2.211.050 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà T, ông T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/5/2018. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C ông Đặng Đại N, Giám đốc Phòng giao dịch huyện L được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- Tòa án tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Lệ Thủy;
- UBND xã T(để biết);
- Lưu: HS;VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thị Nhàn